

Số: ~~190~~4/QĐ-UBND

Đông Triều, ngày 11 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao chỉ tiêu thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp
năm 2018 trên địa bàn thị xã Đông Triều**

UỶ BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 48/2010;

Xét đề nghị tại tờ trình số 4857/TTr-CCT ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thuế thị xã Đông Triều về việc giao chỉ tiêu kế hoạch thu tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao Chỉ tiêu kế hoạch thu tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2018 cho các xã, phường và các đơn vị trên địa bàn thị xã năm 2018 cụ thể như sau;

Tổng số tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp năm 2018 là: 4.232.008.638 đồng.

(Bằng chữ: Bốn tỷ, hai trăm ba mươi hai triệu, không trăm lẻ sáu ngàn, sáu trăm ba tám đồng)

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Thời hạn nộp thuế chậm nhất vào ngày 31/12/2018.

Điều 2. Giao Chi cục thuế thị xã trực tiếp hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc quản lý thu nộp và thanh, quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Chi cục trưởng Chi cục thuế thị xã, Giám đốc Kho bạc nhà nước Đông Triều, Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục thuế tỉnh Quảng Ninh; (báo cáo)
- Thường trực UBND thị xã;
- Như Điều 3; (thực hiện)
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Thành



PHỤ LỤC
CHI TIẾT GIAO THU THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2018
 (Kèm theo Quyết định số 1904 /QĐ-UBND ngày 11 /9/2018 của UBND thị xã Đông Triều)

Đơn vị tính : Đồng

Stt	Xã, Phường	Thuế SDDPNN năm 2018. Trong đó				
		Số thuế ghi thu năm 2018	Số thuế miễn giảm 2018	Số thuế nộp thừa năm trước chuyển sang	Số thuế nộp thiếu năm trước chuyển sang	Số thuế phải nộp năm 2018
1	2	3	4	5	6	7
1	Đơn vị xã, phường	3.052.419.233	858.717.430	45.671.285	549.382.514	2.697.413.032
1	Xã Trảng Lương	21.301.319	14.125.473	114.929	2.422.050	9.482.967
2	Xã Tân Việt	36.046.058	23.113.436	107	430.389	13.362.904
3	Xã Nguyễn Huệ	47.255.024	41.972.988	75.160	36.010	5.242.886
4	Xã Bình Dương	132.651.407	47.056.215	2.801.568	19.779.796	102.573.420
5	Xã Hồng Phong	88.138.766	45.914.479	602.010	15.059.625	56.681.902
6	Xã An Sinh	49.628.193	40.169.803	12.660	3.718.886	13.164.616
7	Phường Đức Chính	123.148.924	36.085.767	568.800	37.026.297	123.520.654
8	Phường Đông Triều	158.942.290	22.715.857	1.731.231	27.378.362	161.873.564
9	Xã Trảng An	76.135.467	33.690.080	2.074.135	2.445.295	42.816.547
10	Phường Xuân Sơn	127.284.390	44.985.481	703.405	21.261.202	102.856.706
11	Phường Hưng Đạo	94.803.727	46.550.669	135.728	-	48.117.330
12	Xã Thủy An	47.623.219	27.910.081	49.838	137.758	19.801.058
13	Xã Việt Dân	40.424.709	24.138.534	95.734	5.800	16.196.241
14	Xã Bình Khê	125.940.054	62.510.423	556.740	8.677.538	71.550.429
15	Phường Kim Sơn	157.111.565	32.140.293	14.516.864	38.364.006	148.818.414
16	Phường Mạo Khê	1.213.853.455	123.193.582	15.733.952	285.404.810	1.360.330.731
17	Xã Hoàng Quế	119.139.760	42.879.254	801.430	18.407.399	93.866.475
18	Xã Yên Đức	49.059.980	40.140.470	490.008	40	8.429.542
19	Xã Yên Thọ	190.918.439	57.129.836	2.815.020	22.061.727	153.035.310
20	Xã Hồng Thái Tây	56.506.993	32.794.461	951.482	2.415.153	25.176.203
21	Xã Hồng Thái Đông	96.505.494	19.500.248	840.484	44.350.371	120.515.133
II	Doanh nghiệp và tổ chức	1.215.264.198	-	-	349.408.215	1.534.595.606

1	Công ty điện lực Quảng Ninh	3.175.470	-	-	-	3.175.470
2	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Kinh Doanh Than Miền Bắc-Vinacomin Tại Quảng Ninh	56.376	-	-	-	56.376
3	Cty công nghiệp hóa chất mỏ Bạch Thái Bưởi	18.964.058	-	-	-	18.964.058
4	CN Tổng CTy CN Hóa Chất Mỏ - Vinacomin , Trung Tâm Vật Liệu Nô Công Nghiệp	2.362.877	-	-	-	2.362.877
5	CTy CP Xây Dựng Và XNK Tổng Hợp	1.439.802	-	-	-	1.439.802
6	ChiNhánh Công Ty Cổ Phần Vận Tải Thủy I - Xí Nghiệp Cơ Khí Thủy Mạo Khê	3.644.265	-	-	-	3.644.265
7	Chi nhánh cty đóng tàu và vận tải Kim Sơn	9.771.498	-	-	-	9.771.498
8	Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi Nhánh Tây Nam Quảng Ninh	2.034.486	-	-	-	2.034.486
9	Tổng CTy Kinh Tế Kỹ Thuật CN Quốc Phòng	1.545.297	-	-	-	1.545.297
10	Chi nhánh cty TNHH Quang Vinh	19.606.275	-	-	-	19.606.275
11	Ngân Hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi Nhánh Thị Xã Đông Triều Quảng Ninh	7.395.300	-	-	-	7.395.300
12	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Quang Và Mỹ Nghệ Xuất Khẩu	24.381.900	-	-	24.148.700	48.530.600
13	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư - Xây Dựng Hạ Tầng Và Khai Thác Mỏ Tân Việt Bắc	102.885.185	-	-	102.885.185	205.770.370
14	Cty CP khai thác khoáng sản và dịch vụ ITASCO	3.443.575	-	-	3.443.575	6.887.150
15	Công Ty Nhiệt Điện Đông Triều - Tkv- Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Tkv - Ctep	27.449.988	-	-	-	27.449.988
16	Công Ty TNHH Tân Vĩnh Hưng	1.221.300	-	-	-	1.221.300
17	Công ty TNHH MTV VICEM Hoàng Thạch	31.014.992	-	-	-	31.014.992
18	CTy CP Dịch Vụ Đồng Xuân Hải Dương	2.700.000	-	-	-	2.700.000
19	CN cty TNHH cơ khí và XD Ngọc Thắng	5.878.357	-	-	-	5.878.357
20	Công Ty Cổ Phần Licogi 17	658.035	-	-	-	658.035
21	Cty TNHH TM & DV Đông Dương	7.921.082	-	-	7.921.082	15.842.164
22	Cty CP đường sắt Hà Lạng	118.044	-	-	-	118.044
23	Cty CP nước sạch Q. Ninh	4.490.155	-	-	-	4.490.155
24	Chi Nhánh Tập Đoàn CN Than – Khoáng Sản Việt Nam - CTy Than Mạo Khê - Tkv	152.584.866	-	-	-	152.584.866
25	Chi Nhánh Tập Đoàn CN Than - Khoáng Sản Việt Nam - CTy Kho Vận Đá Bạc - Vinacomin	30.486.415	-	-	-	30.486.415

26	CN tập đoàn CN than-Kháng sản Việt Nam- Cty than Hồng Thái TKV	30.732.247	-	-	-	30.732.247
27	CN tập đoàn CN than-Kháng sản Việt Nam- Cty than Uông Bí TKV	5.237.325	-	-	-	5.237.325
28	Cty CP xi măng & XD Quảng Ninh	2.576.621	-	-	-	2.576.621
29	Cty TNHH MTV Môi trường TKV	181.635	-	-	-	181.635
30	Cty CP bến xe Quảng Ninh	1.035.900	-	-	-	1.035.900
31	Công Ty Cổ Phần Viglacera Hạ Long	3.889.193	-	-	-	3.889.193
32	CTy TNHH 1 Thành Viên Xổ Số Kiến Thiết QN	257.760	-	-	-	257.760
33	Chi Nhánh Tổng Cty Đông Bắc - Công Ty Cảng	250.041	-	-	-	250.041
34	Cty xăng dầu B12	305.019	-	-	-	305.019
35	Xí nghiệp xăng dầu Quảng Ninh	2.331.704	-	-	-	2.331.704
36	Công Ty Cổ Phần Nông Trường Đông Triều	684.948	-	-	-	684.948
37	Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn 1 Thành Viên Lâm Nghiệp Đông Triều Quảng Ninh	3.414.603	-	-	-	3.414.603
38	Cty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều - QN	966.528	-	-	-	966.528
39	Công Ty TNHH 8-6 Đông Triều	86.472.697	-	-	-	86.472.697
40	Công Ty TNHH Xây Dựng Đông Triều	54.000	-	-	54.000	54.000
41	Cty TNHH XD Thắng Lợi Đông Triều	50.916.948	-	-	30.022.807	50.916.948
42	Xí nghiệp Sứ Đông Triều	6.273.300	-	-	-	6.273.300
43	Công Ty TNHH Xuân Cầm	783.900	-	-	783.900	1.567.800
44	Công Ty TNHH Xây Dựng Hạ Tầng Miền Tây	8.871.162	-	-	-	8.871.162
45	Công Ty Cổ Phần Phát Hành Sách Quảng Ninh	129.082	-	-	-	129.082
46	CÔNGTY TNHH 289	5.264.940	-	-	5.264.940	10.529.880
47	Công Ty TNHH Hoàng Dương	1.094.400	-	-	-	1.094.400
48	Công Ty TNHH Xây Dựng Hải Tân	8.581.200	-	-	-	8.581.200
49	Công Ty TNHH Liên Doanh Gốm Xây Dựng Hoàng Quế Quảng Ninh	2.910.000	-	-	-	2.910.000
50	CTy TNHH Sản Xuất VLXD Yên Đức	2.201.121	-	-	-	2.201.121
51	Cty CP tập đoàn Hoàng Hà	18.152.606	-	-	7.643.780	25.796.386
52	Cty TNHH XD Thanh Tuyền	2.589.889	-	-	-	2.589.889
53	Công Ty Cổ Phần Vĩnh Tiến	10.827.014	-	-	-	10.827.014
54	Công Ty TNHH 27/7 Minh Thành	457.110	-	-	457.110	914.220
55	Công Ty Cổ Phần Ngọc Khánh	17.998.260	-	-	17.998.260	35.996.520

56	Cty CP Thành Đồng	13.535.923	-	-	-	13.535.923
57	Công Ty Cổ Phần Thái Sơn 88	5.636.925	-	-	-	5.636.925
58	Công Ty TNHH Thanh Luận	912.962	-	-	221.233	1.134.195
59	Công Ty TNHH Hoàng Thạch	9.874.800	-	-	-	9.874.800
60	Cty TNHH Hoàng Quế 22/12	3.447.471	-	-	-	3.447.471
61	Cty CP đầu tư XD Minh Dũng	577.607	-	-	1.155.214	1.732.821
62	Công Ty TNHH Như Quyết	1.073.088	-	-	1.073.088	2.146.176
63	Cty TNHH MTV thương mại Kim Khánh	312.480	-	-	312.480	624.960
64	Công Ty TNHH Hà Thành	6.473.670	-	-	12.041.935	18.515.605
65	Công Ty TNHH Gốm Sứ Mỹ Nghệ Thành Hữu	6.382.200	-	-	6.382.200	12.764.400
66	Công Ty TNHH Hoàng Đạt	1.894.050	-	-	-	1.894.050
67	Công Ty Cổ Phần Thương Mại 27-7 Đông Triều	2.145.372	-	-	-	2.145.372
68	Cty TNHH bao bì quốc tế Bình An Việt Nam	9.900.000	-	-	-	9.900.000
69	Cty TNHH Long Hải	10.035.900	-	-	-	10.035.900
70	Cty CP dược - vật tư y tế Quảng Ninh	1.202.623	-	-	270.279	1.472.902
71	Cty CP vật tư nông nghiệp Quảng Ninh	63.850	-	-	63.850	127.700
72	Công Ty Cổ Phần Giống Cây Trồng Quảng Ninh	759.852	-	-	-	759.852
73	Cty CP XD số 2 Quảng Ninh	7.944.480	-	-	-	7.944.480
74	Chi Nhánh Công Ty TNHH Hà Lan	35.376.714	-	-	-	35.376.714
75	Công Ty Cổ Phần Viglacera Đông Triều	28.110.316	-	-	-	28.110.316
76	Dntn - Xi Nghiệp Đông Phương	8.250.900	-	-	8.250.900	16.501.800
77	Cty TNHH XD&TM Bình Minh Đông Triều	2.742.066	-	-	-	2.742.066
78	Công Ty TNHH Văn Huy	2.262.237	-	-	-	2.262.237
79	Cty CP SX VLXD Kim Sơn	4.697.460	-	-	19.729.326	24.426.786
80	Công Ty TNHH Thương Mại Ánh Tuyết	4.522.320	-	-	-	4.522.320
81	Cty TNHH Phúc Xuyên	2.481.237	-	-	-	2.481.237
82	Công Ty TNHH Ngọc Thái	909.986	-	-	-	909.986
83	Cty CP SX&TM Than Uông Bí	102.890	-	-	-	102.890
84	Công Ty Cổ Phần Vĩnh Thắng	40.620.930	-	-	-	40.620.930
85	CTy Cổ Phần Cơ Khí Mạo Khê - Vinacomin	10.156.239	-	-	-	10.156.239
86	Cty TNHH Đồng Tâm Đông Triều	794.200	-	-	-	794.200
87	Công Ty TNHH Thịnh Bình	3.527.982	-	-	3.527.982	7.055.964
88	CTy TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thanh Thủy	2.204.496	-	-	-	2.204.496
89	Công Ty Cổ Phần Long Hải Quảng Ninh	30.706.794	-	-	-	30.706.794
90	Cty CP Hải Vinh	14.904.000	-	-	-	14.904.000

91	Cty TNHH MTV 91	12.151.481	-	-	-	12.151.481
92	Cty CP đầu tư, XD và TM Tân Thành	1.605.960	-	-	-	1.605.960
93	Cty CP dịch vụ vệ sinh môi trường Đông Khê	794.048	-	-	-	794.048
94	Công Ty Cổ Phần Sông Hồng 12	6.700.500	-	-	-	6.700.500
95	Bưu Điện Tỉnh Quảng Ninh	137.376	-	-	-	137.376
96	Công Ty TNHH Cotto Quảng Ninh	14.457.744	-	-	-	14.457.744
97	Cty CP Kim Long	22.447.814	-	-	14.049.252	36.497.066
98	Công Ty Cổ Phần Gốm Đất Việt	38.139.810	-	-	2.645.946	40.785.756
99	Cty TNHH Coto Tiên Đạt	3.383.328	-	-	3.383.325	6.766.653
100	Cty CP TM& Du lịch Thái Bình	981.882	-	-	-	981.882
101	Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói Đất Việt	15.608.756	-	-	28.816.244	44.425.000
102	Cty TNHH MTV TM Đức Đạt	54.000	-	-	54.000	108.000
103	CTy CP Đầu Tư Và Phát Triển Thuận Thành	3.377.727	-	-	-	3.377.727
104	Công Ty Cổ Phần Gốm Xây Dựng Yên Thọ	28.078.050	-	-	-	28.078.050
105	Cty CP gốm màu Hoàng Hà	15.447.996	-	-	-	15.447.996
106	Công Ty Cổ Phần Thương Mại An Bình Phát	2.462.342	-	-	2.462.342	4.924.684
107	Công Ty Cổ Phần Gạch Clinker Viglacera	7.345.710	-	-	-	7.345.710
108	Cty TNHH SX&KD NVL xây dựng Đức Hiếu	222.573	-	-	-	222.573
109	Công Ty TNHH 1 Thành Viên 397	7.917.031	-	-	-	7.917.031
110	Công Ty Cổ Phần Địa Chất Mỏ - TkV	2.292.224	-	-	2.292.224	4.584.448
111	Cty TNHH XD Nhật Quang	1.302.336	-	-	1.302.336	2.604.672
112	Công Ty TNHH Một Thành Viên 618	6.928.980	-	-	-	6.928.980
113	Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật Thương Mại Đại An	54.000	-	-	-	54.000
114	CTy TNHH MTV Đầu Tư Xây Dựng Hòa Bình	2.883.519	-	-	-	2.883.519
115	CTy TNHH 1 TV SX &TM Giang Trí Dũng	1.208.781	-	-	-	1.208.781
116	Cty TNHH TMDV Yên Đức	1.041.984	-	-	-	1.041.984
117	Cty CP Tâm Văn Hạ Long	1.501.890	-	-	-	1.501.890
118	Cty TNHH gạch ngói Kim Thành Quảng Ninh	1.521.585	-	-	-	1.521.585
119	Cty TNHH ITV CN hóa chất mỏ VB MICCO	-	-	-	18.964.058	18.964.058
120	Cty TNHH An Thái	-	-	-	20.239.524	20.239.524
121	Cty TNHH Hưng Nghĩa	-	-	-	1.547.138	1.547.138
III	Tổng cộng	4.267.683.431	858.717.430	45.671.285	898.790.729	4.232.008.638